

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B2**

Năm học: **22-23**

Mã môn học/ Mô đun: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**

Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802032553	Huỳnh Thanh Bình	24/03/2006					5	6.0	6.0	5.0	8.0		4.8		5.3
2	2254802032554	Nguyễn Chương	13/02/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
3	2254802032556	Lê Tường Duy	07/12/2005					9	6.0	9.0	6.0	6.0		5.2		5.9
4	2254802032557	Bùi Đăng Đạt	05/06/2007					8	8.0	8.0	8.0	8.0		5.8		6.7
5	2254802032559	Nguyễn Minh Hiếu	27/10/2007					7	6.0	7.0	9.0	8.0		5.4		6.2
6	2254802032560	Võ Thành Hiếu	08/07/2007					8	5.0	7.0	7.0	6.0		4.6		5.3
7	2254802032561	Nguyễn Chí Khải	25/03/2007					7	5.0	7.0	6.0	6.0		6.8		6.5
8	2254802032563	Nguyễn Phi Phạm	15/08/2006					7	6.0	6.0	5.0	7.0		7.6		7.0
9	2254802032564	Nguyễn Thanh Thái	08/05/2007					7	6.0	7.0	6.0	7.0		4.4		5.3
10	2254802032566	La Phước Thạnh	01/09/2006					9	9.0	10.0	8.0	9.0		8.0		8.4
11	2254802032567	Nguyễn Nhật Tiến	06/12/2007					9	8.0	10.0	10.0	8.0		7.6		8.2
12	2254802032568	Ngô Quốc Toàn	18/08/2007					9	6.0	7.0	10.0	8.0		7.6		7.7
13	2254802032569	Nguyễn Nhựt Trường	24/01/2007					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2254802032571	Trần Phước Duy	24/09/2006					7	7.0	7.0	6.0	8.0		6.2		6.5
15	2254802032574	Phạm Thị Ngọc Trâm	01/10/2005					0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 16 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh